

**Chính sách Dân tộc
&
THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC**

**THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC
Ở TỈNH LÀO CAI**

1. Khái quát chung

Lào Cai là một tỉnh miền núi của vùng cao Tây Bắc, có đường biên giới với Trung Quốc dài 203 km. Tỉnh có diện tích tự nhiên là 6.357,08 km². Tổng dân số của tỉnh: trên 55,7 vạn người với 25 dân tộc sinh sống, trong đó có 24 dân tộc thiểu số với 39 vạn người (chiếm 64,8%). Toàn tỉnh có 9 huyện, thành phố, 164 xã, phường thị trấn, trong đó có 135 xã vùng cao, 125 xã thuộc diện xã đặc biệt khó khăn (đến năm 2004 có 2 xã thoát ra khỏi Chương trình 135).

Trong những năm qua được Đảng, Nhà nước quan tâm đầu tư các chương trình, dự án phát triển kinh tế – xã hội như Chương trình 327, 661, 135, 134... cùng với nỗ lực của các cấp, các ngành, của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, đã tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực. Đặc biệt là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn, tạo nên những diện mạo mới về phát triển kinh tế của tỉnh; tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm đạt mức trung bình là 11,98%, riêng năm 2005 đạt 12,6% với tổng thu ngân sách đạt 620 tỷ đồng; bình quân GDP đầu người đạt gần 300 USD/người/năm 2005. Đời sống nhân dân nhờ vậy cũng được nâng cao.

2. Kết quả thực hiện chính sách dân tộc ở tỉnh Lào Cai

2.1. Chương trình 135

Chương trình 135 đã được triển khai ở tỉnh từ năm 1999 với 5 hợp phần: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn; đầu tư xây dựng trung tâm cụm xã; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng sắp xếp dân cư nơi cần thiết và phát triển ngành nghề nông thôn, ổn định phát triển sản xuất nông lâm nghiệp gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm và đào tạo cán bộ cơ sở... Trong giai đoạn I từ năm 1999 đến 2005, tổng số vốn đầu tư đạt 1.473 tỷ đồng; trong đó, vốn ngân sách Trung ương là 474 tỷ (chiếm 32,2% tổng ngân sách của tỉnh), các nguồn vốn khác 994 tỷ (67,5%), vốn do các cơ quan Trung ương hỗ trợ là 5 tỷ đồng. Riêng năm 2005 tổng vốn đầu tư toàn tỉnh là 49,2 tỷ đồng, chiếm 71% tổng ngân sách đầu tư của tỉnh, được dành cho đường giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, điện, xây dựng trường học và cụm trung tâm xã... Nhờ vậy, 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã; 70% diện tích ruộng nước (9.000/13.000ha) có hệ thống thủy lợi chủ động tưới tiêu; 70% số hộ trong vùng được sử dụng nước sạch trong sinh hoạt; 90% số thôn bản có cán bộ y tế; 92% trẻ em trong độ tuổi được đến trường; 60% số hộ được nghe Đài TNVN; 40% hộ được xem truyền hình VN; 88% xã có điện lưới quốc gia, nâng tỷ lệ hộ được dùng điện từ 12% (năm 1999) lên 40% (năm 2005); kiên cố hoá 50% số trường học... Hiện nay, tỉnh vẫn đang tiếp tục triển khai Chương trình 135 giai đoạn II của Chính phủ.

2.2. Chương trình 134

Chương trình 134 được triển khai từ năm 2005 với 4 nội dung hỗ trợ là đất ở,

nhà ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn. Năm 2005, kế hoạch giao 17 tỷ đồng từ ngân sách Trung ương và 12 tỷ đồng bằng nguồn kinh phí khác - chủ yếu do dân đóng góp bằng tiền và ngày công lao động.

Việc thực hiện Chương trình 134 đã đưa lại kết quả sau: Theo kế hoạch, tỉnh hỗ trợ đất ở cho 187 hộ với 3,74ha, kinh phí đạt 18,70 triệu đồng. Tỉnh đã làm thí điểm tại huyện Bắc Hà và thực hiện được 63 hộ/1,26ha, 6,3 triệu đồng, đạt 33,68% kế hoạch; tuy nhiên, vấn đề khó khăn ở đây là việc bố trí đất đai cho dân. Hỗ trợ làm nhà ở cho 1.236 hộ thuộc 41 xã, kinh phí là 18,180 tỷ đồng, trong đó dân tham gia 12 tỷ đồng, tính đến nay đã hoàn thành 100% kế hoạch. Hỗ trợ đất sản xuất cho 50 hộ, 25ha, 125 triệu đồng. Làm thí điểm tại 3 xã (Xín Chéng, Bản Mế, Nàn Sín) của huyện Si Ma Cai, cho đến nay đã hoàn thành 100% chỉ tiêu giao. Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung với 43 công trình cho 2.826 hộ và đã có 24 công trình hoàn thành để đưa vào sử dụng, 1 công trình đã quyết toán, kinh phí thực hiện là 10.554,273 triệu đồng, đạt 99,37% so với kế hoạch.

2.3. Thực hiện Quyết định 186 của Thủ tướng chính phủ

Cho đến nay, tỉnh đã tập trung đầu tư vào các công trình giao thông nông thôn: 26 dự án với tổng chiều dài 176,7 km và 3 cầu các loại với tổng vốn đầu tư là 24.757 triệu đồng; sắp xếp được 1.240 hộ dân cư ổn định nơi ở với số vốn đầu tư là 6.293 triệu đồng; hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho 18 xã khu vực II với tổng số vốn 1.800 triệu đồng; đồng thời xây dựng được 50 nhà văn hoá thôn bản thuộc 9 huyện, thành phố với tổng kinh phí do Nhà nước hỗ trợ là 1.050 triệu

đồng; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi cho đồng bào với tổng nguồn vốn là 1.436 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách của tỉnh là 378 triệu đồng.

2.4. Chính sách Định canh định cư (ĐCĐC), hỗ trợ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn và giao đất, giao rừng

Về chính sách ĐCĐC và hỗ trợ DTTS đặc biệt khó khăn: Trong 5 năm (2001 - 2005) toàn tỉnh đã hỗ trợ được 1.433,7 triệu đồng; trong đó có lương thực (238,4 tấn), chăn đấp (4.038 cái), màn (1.024 cái), dụng cụ sinh hoạt các loại (16.856 cái)... Đồng thời, kinh phí hỗ trợ cho sản xuất là 2.864,76 triệu đồng gồm các loại giống lúa, ngô, đậu tương, lợn, quế, cây ăn quả, phân bón, dụng cụ sản xuất (cày, bừa, dao, cuốc...), bình bơm thuốc sâu, thuốc trừ sâu, trồng cỏ voi... đã đạt 66,7% so với kế hoạch. Riêng trong năm 2005 tỉnh đã hỗ trợ 800 triệu đồng cho 3.641 hộ hưởng lợi (đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch).

Nguồn vốn để ổn định dân di cư tự do: Năm 2005 tỉnh đã cung cấp 2 tỷ đồng cho việc ổn định đồng bào di cư tự do, trong đó các công trình chuyển tiếp là 395 triệu và các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng. Cùng với việc ổn định cho dân di cư tự do, tỉnh cũng đã sắp xếp chỗ ở cho 1.469 hộ, trong đó 120 hộ biên giới, 1.349 hộ nội địa theo kế hoạch đề ra.

2.6. Chương trình quốc gia xoá đói giảm nghèo và giải quyết việc làm (2001-2005)

Về xoá đói giảm nghèo: Trong 5 năm toàn tỉnh đã giảm được 65% hộ nghèo (giảm trung bình 4,3%/năm), vượt 15% so với mục tiêu của đề án. Đến cuối năm 2005

chỉ còn 7% theo tiêu chí cũ (43,01% theo tiêu chí mới).

Về giải quyết việc làm: Trong 5 năm tỉnh cũng đã giải quyết được việc làm mới cho 56.920 lao động (trung bình 11.384 người/năm), vượt 42,3% mục tiêu của đề án. Hệ số sử dụng thời gian lao động và tỷ lệ lao động qua đào tạo cũng tăng lên.

Riêng trong năm 2005 tỉnh đã giải quyết việc làm cho 11.000 lao động (đạt 100% kế hoạch năm), giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị còn 3,6%; tăng tỷ lệ lao động ở nông thôn lên 79%; cho 172 dự án vay vốn giải quyết việc làm với tổng số tiền 13,295 tỷ đồng và giải quyết việc làm cho 2.813 lượt người (đạt 98,94% kế hoạch năm). Đào tạo bồi dưỡng cán bộ làm công tác giải quyết lao động việc làm ở cơ sở được 350 lượt người. Đào tạo nghề mới cho 5.277/6.704 người (đạt 78,7% kế hoạch); trong đó, đào tạo dài hạn - 562 người, ngắn hạn - 1.533 người, đào tạo bồi dưỡng khác - 2.520 người, đào tạo lao động nông thôn - 909 người, đào tạo học sinh dân tộc thiểu số - 50%, nâng tỷ lệ lên 15,5% so với năm 2004.

2.7. Chính sách giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá

Về giáo dục: Đến nay toàn tỉnh đã kiên cố hoá hầu hết trường lớp học (nhà xây cấp 4 và 3); trang thiết bị trường học cơ bản đạt tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục - Đào tạo; xây dựng nhà công vụ cho giáo viên, nhất là giáo viên vùng cao. Tăng cường phát triển Đảng trong ngành giáo dục; coi trọng phát triển đảng viên là dân tộc thiểu số (chiếm 30%). Các chính sách đối với học sinh là

người dân tộc thuộc diện khó khăn, diện chính sách đều được thực hiện đồng bộ.

Về y tế: Việc chăm sóc sức khoẻ, khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em, dân số KHHGD, các chương trình quốc gia đều được quan tâm và thực hiện có hiệu quả. Việc cấp thẻ khám bệnh cho người nghèo trong năm 2005 là 344.885 người; khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi đạt 100% kế hoạch năm; tiêm chủng mở rộng cho trẻ em đạt 95%, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng ở trẻ em xuống còn 33%; bước cổ còn 3%; hạ tỷ lệ phát triển dân số xuống còn 0,1%/năm.

Về văn hoá: Các di sản văn hóa truyền thống của các dân tộc cũng luôn được bảo tồn và phát huy, như: Hội xuống đồng của dân tộc Tày, Giáy; Hát qua làng của dân tộc Dao Tuyển; Lễ cấp sắc của dân tộc Dao Đỏ; Lễ hội Đền Thượng, Hội *gầu tào*, Hội *xay sán* của dân tộc Hmông, Lễ cúng rừng của dân tộc Hà Nhì và một số hội lễ hội đặc sắc của các dân tộc khác.

3. Kết luận

Nhìn chung, những kết quả trên cho thấy, trong 5 năm qua, tỉnh Lào Cai đã đạt được nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Nhờ vậy, đời sống của nhân dân nơi đây cũng từng bước được cải thiện. Điều đó cho thấy các cấp, các ngành của tỉnh Lào Cai đã thực hiện một cách triệt để những chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Lê Mùi